

Bản án số: 30/20025/HNGĐ-ST
Ngày: 06/6/2025
“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quyết.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Nhi và bà Đinh Thị Tin.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Phụng- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Quách Thị Nền - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 83/2025/TLST-HNGĐ ngày 15/4/2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/5/2025, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Tạ Thị P, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ dân phố P, phường T, thị xã K, tỉnh Hà Nam (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1986; nơi ĐKKHKT: Thôn P, xã L, thị xã K, tỉnh Hải Dương; hiện đang chấp hành án tại phân trại số 2, trại giam N; địa chỉ: Phường T, thị xã K, tỉnh Hà Nam (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- Người làm chứng:

+ Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1962 và bà Đào Thị T, sinh năm 1966; đều có địa chỉ: Thôn P, xã L, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại Đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Tạ Thị P trình bày như sau:* Chị và anh Nguyễn Văn Q kết hôn với nhau vào ngày 26/12/2008 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã L, huyện K (nay là thị xã K), tỉnh Hải Dương. Sau ngày cưới, vợ chồng chị về chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh Q tại thôn P, xã L, thị xã K. Năm 2010, anh Q phạm tội “Cố ý gây thương tích” và phải đi chấp hành án hình phạt tù. Đến tháng 9/2013 anh Q chấp hành án xong về địa phương. Vợ chồng chị vẫn chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị và anh Q thường xuyên bất đồng quan điểm, hay cãi nhau vì anh Q hay chơi bời, sử dụng ma

túy, không chịu làm ăn, không quan tâm vun vén gia đình. Từ đó, vợ chồng chị không còn quan tâm đến nhau, tình cảm cũng dần phai nhạt. Cuối năm 2015, anh Q phạm tội “Tàng trữ trái pháp chất ma túy” và đang chấp hành án tại Đội 6.II, phân trại số 2, Trại giam N. Sau khi anh Q đi chấp hành án, chị có xin bố mẹ chồng cho chị về Hà Nam làm ăn và gửi các con lại cho ông bà nội nuôi. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Chị và anh Q có 02 con chung là Nguyễn Việt A, sinh ngày 07/9/2009 và Nguyễn Văn M, sinh ngày 07/7/2014. Các cháu đang ở cùng ông bà nội tại thôn P, xã L, thị xã Kinh Môn. Khi ly hôn, chị cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con tuy nhiên nay các con chung đều có nguyện vọng được ở với anh Q nên chị đồng ý giao cả hai con chung cho anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với anh Q, mỗi cháu là 1.500.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung vào ngày 10 hàng tháng. Hiện anh Q đang chấp hành án tại trại giam N còn khoảng 4 tháng được miễn hạn tù nên trong thời gian đó chị nhờ ông bà nội tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu. Chị đang làm lao động tự do, công việc gia công đồ gỗ tại Hà Nam, thu nhập trung bình 10 triệu đồng/tháng.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai đương sự, bị đơn anh Nguyễn Văn Q trình bày: Về điều kiện kết hôn, anh trình bày như chị P trình bày nêu trên. Năm 2010, anh phạm tội “Cố ý gây thương tích” bị Tòa án nhân dân (TAND) thị xã Kinh Môn kết án 42 tháng tù. Đến ngày 02/9/2013 anh chấp hành xong hình phạt tù về địa phương. Khi về địa phương anh có sử dụng ma túy “đá” nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, có lần do bức tức nên anh đã tát chị P còn chị P nói anh không chịu khó làm ăn là không đúng. Do chơi bời nên cuối năm 2015, anh bị TAND thị xã Kinh Môn kết án 08 năm tù về tội “Tàng trữ trái pháp chất ma túy”. Ngày 05/5/2016, anh được đưa đi chấp hành án tại Trại giam N. Ngày 07/7/2016, anh bị TAND thị xã Kim Bảng xét xử về tội “Trốn khỏi nơi giam”. Tổng hợp hình phạt buộc anh phải chấp hành cả 02 bản án là 10 năm tù. Đến nay thời hạn tù của anh còn 04 tháng tù. Trong thời gian anh chấp hành án, gia đình nội, ngoại có thường xuyên thăm gặp anh còn chị P chỉ thỉnh thoảng mới lên. Trước đó, chị P có lên thăm anh và nói đang làm thủ tục ly hôn tại Tòa án. Nay anh xác định anh vẫn còn tình cảm với chị P nên không đồng ý ly hôn với chị P. Nếu chị P vẫn kiên quyết ly hôn anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Do anh đang chấp hành án nên anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh tại các phiên họp, phiên tòa xét xử vụ án.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Nguyễn Việt A, sinh ngày 07/9/2009 và Nguyễn Văn M, sinh ngày 07/7/2014. Các cháu đang ở cùng ông bà nội tại thôn P, xã L, thị xã K. Khi ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và tự nguyện không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung với anh nhưng nếu chị P tự nguyện cấp dưỡng thì anh cũng đồng ý. Do anh đang chấp hành án nên nếu được nuôi con

anh sẽ nhờ bố mẹ anh tiếp tục giúp đỡ chăm sóc các cháu trong thời gian anh chấp hành án.

Về tài sản chung: Anh không không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Lời khai của người làm chứng:

+ Ông Nguyễn Văn Q và bà Đào Thị T - Là bố, mẹ anh Q trình bày: Trong quá trình chung sống, chị P và anh Q có cãi vã, bất đồng. Nguyên nhân cụ thể ông bà không nắm rõ. Khi anh Q chấp hành án tại trại giam N, chị P có xin phép về K, Hà Nam làm ăn. Từ khi chị đi làm, ông bà là người trực tiếp chăm sóc, dạy dỗ, đóng học phí cho các con của anh chị. Chị P thỉnh thoảng mới về thăm con. Anh Q và chị P có 02 con chung là Nguyễn Việt A, sinh ngày 07/9/2009 và Nguyễn Văn M, sinh ngày 07/7/2014. Các cháu ở với ông bà từ nhỏ đến nay. Nếu anh chị ly hôn, ông bà đề nghị Tòa án giải quyết cho anh Q được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung vì thực tế các cháu đang sinh sống với ông bà và học tập ổn định tại địa phương. Các cháu đều được thầy cô đánh giá ngoan ngoãn, chăm học và hàng năm đều được Giấy khen của nhà trường. Mặc dù anh Q đang chấp hành án nhưng anh chỉ còn khoảng 04 tháng là được ra tù. Thời gian chấp hành án còn lại, ông bà vẫn tiếp tục hỗ trợ anh chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu.

- **Trưởng thôn P và UBND xã L cung cấp:** Sau khi kết hôn, chị P và anh Q chung sống tại thôn P, xã L. Địa phương có nắm bắt được việc anh Q đang phải chấp hành án. Do anh chị không thông báo với chính quyền địa phương nên địa phương không nắm bắt được thông tin về mâu thuẫn của anh chị. Anh chị có 02 con chung hiện đang sinh sống, học tập tại địa phương và do ông bà nội trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Từ ngày anh Q đi chấp hành án, chị P không có mặt ở địa phương. Nay chị P xin ly hôn và yêu cầu giải quyết về người nuôi dưỡng con chung, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Chị P và anh Q vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của các đương sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Tạ Thị P được ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

- Về con chung: Xử giao cả 02 con chung là Nguyễn Việt A, sinh ngày 07/9/2009 và Nguyễn Văn M, sinh ngày 07/7/2014 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng. Chị P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với anh Q, mỗi con chung là

1.500.000 đồng/tháng. Thời gian giao nuôi con và cấp dưỡng nuôi con kể từ khi ly hôn đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác. Tạm giao các cháu Nguyễn Việt A và Nguyễn Văn M cho ông Nguyễn Văn Q và bà Đào Thị T - Là bố, mẹ anh Q chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh Q chấp hành hình phạt tù tại Trại giam N, tỉnh Hà Nam.

Chị P có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Tạ Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (cấp dưỡng nuôi con).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn chị Tạ Thị P và bị đơn anh Nguyễn Văn Q nhưng cả hai anh chị đã có đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, thấy rằng:

Chị Tạ Thị P và anh Nguyễn Văn Q kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 26/12/2008 tại UBND xã L, huyện K (nay là thị xã K) do vậy được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, cả chị Phương và anh Q đều xác định trong thời gian vợ chồng chung sống đã có mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị P cho rằng anh Q hay chơi bời, sử dụng ma túy, không chịu làm ăn, không quan tâm vun vén gia đình. Anh Q xác định nguyên nhân do anh sử dụng ma túy “đá” nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, có lần do bức tức nên anh đã tát chị Phương. Chị P xác định, tình cảm vợ chồng đã không thể hàn gắn nên chị giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh Q. Anh Q xác định vẫn còn tình cảm với chị P nên không đồng ý ly hôn, trường hợp chị P vẫn kiên quyết ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Xét yêu cầu của chị P ly hôn anh Q, Hội đồng xét xử thấy chị P và anh Q sau khi kết hôn có ít thời gian chung sống bên nhau do anh Q nhiều lần bị Tòa án kết án và phải đi chấp hành án nhiều lần, nhiều năm. Chính việc anh Q sử dụng ma túy nên anh và chị P đã xảy ra mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng mất mát dần, không có khả năng đoàn tụ. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P, xử cho chị Tạ Thị P được ly hôn anh Nguyễn Văn Q là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị P và anh Q có 02 con chung là Nguyễn Việt A, sinh ngày 07/9/2009 và Nguyễn Văn M, sinh ngày 07/7/2014. Các cháu đang ở cùng ông bà nội tại thôn P, xã L, thị xã K. Chị P có quan điểm giao cả 02 con chung cho anh Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với anh Q, mỗi con chung 1.500.000 đồng/tháng/1 cháu. Anh Q có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả 02 con chung, trường hợp chị P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con anh đồng ý. Hiện nay, anh Q đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam N, thời hạn chấp hành án còn lại là 04 tháng. Anh Q đề nghị trong thời gian anh chấp

hành án còn lại, anh nhờ bố mẹ anh tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung giúp anh. Bà T và ông Q - bố mẹ đẻ anh Q có ý kiến các con của anh Q và chị P từ trước đến nay đều do ông bà trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và đang học tập ổn định tại địa phương. Trường hợp anh Q được nuôi con, ông bà sẽ tiếp tục hỗ trợ chăm sóc, tạo điều kiện học tập cho các cháu trong thời gian anh Q chấp hành hình phạt tù còn lại. Cháu A và cháu M cũng có nguyện vọng được ở cùng anh Q và ông bà nội. Do vậy, để tạo sự ổn định và căn cứ vào nguyện vọng của các đương sự và những người liên quan, cần chấp nhận yêu cầu của chị P và anh Q, giao cả hai con chung cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị P về việc chị P cấp dưỡng nuôi cháu A và cháu M mỗi cháu là 1.500.000 đồng/tháng kể từ khi ly hôn đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác. Việc giao nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nêu trên là phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình. Tạm giao các cháu Nguyễn Việt A và Nguyễn Văn M cho ông Nguyễn Văn Q và bà Đào Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh Q chấp hành hình phạt tù tại Trại giam N, tỉnh Hà Nam.

[4] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Tạ Thị P là nguyên đơn có yêu cầu ly hôn và có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Tạ Thị P được ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

2. Về con chung: Xử giao cả 02 con chung là Nguyễn Việt A, sinh ngày 07/9/2009 và Nguyễn Văn M, sinh ngày 07/7/2014 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng. Chị P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với anh Q, mỗi con chung là 1.500.000 đồng/tháng (02 con chung là 300.000 đồng/tháng). Thời gian giao nuôi con và cấp dưỡng nuôi con kể từ khi ly hôn đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác. Tạm giao các cháu Nguyễn Việt A và Nguyễn Văn M cho ông Nguyễn Văn Q và bà Đào Thị T - Là bố, mẹ anh Q chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh Q chấp hành hình phạt tù tại Trại giam N, tỉnh Hà Nam.

Chị P có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày anh Q có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị P không chịu thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con định kỳ hàng tháng nêu trên thì chị P còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Tạ Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (cấp dưỡng nuôi con). Đối trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị P đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007095 ngày 15/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn. Chị P phải nộp tiếp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Báo chị P và anh Q biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- UBND phường L, thị xã K, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Quyết